

**CÔNG TY CỔ PHẦN
CẢNG THỊ NẠI**
Số: 50 /CTN-BCTN

-Trang 1-
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Bình Định, ngày 25 tháng 03 năm 2020

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Tên công ty đại chúng: **CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG THỊ NẠI**
Năm báo cáo: **2019**

I- Thông tin chung

1. Thông tin khái quát:

- Tên giao dịch : **CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG THỊ NẠI**
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số : 4100259282
- Vốn điều lệ : 71.000.000.000 đồng (Bảy mươi một tỷ đồng)
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu : 71.000.000.000 đồng (Bảy mươi một tỷ đồng)
- Địa chỉ : 02 Trần Hưng Đạo, TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định
- Số điện thoại : 0256.3891667-3892991
- Fax : 0256.3892097
- Website : thinaiport.com.vn
- Email : thinaiport@vnn.vn - thinaiportqn@gmail.com
- Mã cổ phiếu : TNP

2. Quá trình hình thành và phát triển:

-Quyết định số 47/QĐ-UBND ngày 05/01/1994 của UBND tỉnh Bình Định trên cơ sở tách từ đơn vị hạch toán nội bộ của Công ty Vận tải biển - Xuất nhập khẩu Bình Định thành một DNNN trực thuộc Sở Giao thông Vận tải Bình Định, có tư cách pháp nhân hạch toán độc lập theo luật DNNN, đất đai thuộc Bộ quốc phòng.

-Năm 2003 mới được Bộ Giao thông Vận tải cho phép làm hàng tàu quốc tế. Tháng 9/2007, Bộ Quốc phòng giao chủ quyền đất đai cho Tỉnh và bắt đầu xây dựng cơ sở hạ tầng.

-Quyết định số 398/QĐ-UBND ngày 08/7/2008 chuyển cảng Thị Nại làm đơn vị thành viên của Tổng Công ty Sản xuất - Đầu tư - Dịch vụ - Xuất nhập khẩu Bình Định để thực hiện cổ phần hoá.

-Quyết định số 2598/QĐ-CTUBND ngày 09/10/2009 của UBND tỉnh Bình Định về việc phê duyệt phương án cổ phần hoá Cảng Thị Nại và chính thức hoạt động mô hình công ty cổ phần từ ngày 01/01/2010.

- Quyết định số 4305/QĐ-UBND ngày 22/12/2014 của UBND tỉnh Bình Định về việc phê duyệt phương án thoái vốn nhà nước tại Công ty cổ phần Cảng Thị Nại và



hoàn thành công tác thoái hết vốn nhà nước vào ngày 19/05/2015. Công ty chính thức trở thành Công ty cổ phần không còn vốn sở hữu của Nhà nước.

3. Ngành nghề kinh doanh:

- Bốc xếp hàng hoá;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải: Dịch vụ giao nhận, cung cấp điện, nước, cân ô tô điện tử; Môi giới, dịch vụ vận tải tàu biển, ô tô; Dịch vụ kỹ thuật kiểm định phương tiện cơ giới đường bộ;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê: Cho thuê kho bãi, văn phòng làm việc;
- Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác): Dịch vụ sửa chữa tàu biển;
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác: Dịch vụ sửa chữa ô tô;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy: Lai dắt tàu biển;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng: Mua bán vật liệu xây dựng;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống: Mua bán nông sản;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác: Cho thuê thiết bị cầu – nâng hàng;
- Dịch vụ thương mại: Mua bán khoáng sản.

-Địa bàn kinh doanh : TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:

Bao gồm: Đại hội đồng cổ đông; Hội đồng quản trị; Ban kiểm soát; Ban Giám đốc; Các phòng chức năng: Kinh doanh, Điều độ và xếp dỡ, Kế toán, Kỹ thuật, Tổ chức hành chính; các tổ đội sản xuất: Cơ giới, Giao nhận, Bốc xếp, bảo vệ, thu phí CSHT và Xưởng Sửa chữa.

5. Định hướng phát triển

Để đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của khu vực, trong thời gian đến Cảng Thị Nại sẽ thực hiện các thủ tục để tiến hành triển khai dự án hệ thống kho bãi nằm trên các tuyến QL1, QL19 là vùng hậu phương của cảng, theo quy hoạch chung của tỉnh Bình Định theo đề án đã trình các cấp có thẩm quyền nhằm đáp ứng nhu cầu cấp thiết thông quan hàng hóa qua cảng trong điều kiện kho bãi tại cảng hạn chế và đã quá tải.

Đối với cảng hiện hữu, sẽ đầu tư khoảng 10 tỷ đồng để bổ sung, nâng cấp phương tiện, thiết bị và công cụ xếp dỡ, khai thác hiệu quả cầu tàu 10.000 DWT, nạo vét vùng

tạp tác động đến tăng trưởng tín dụng, tâm lý và kỳ vọng thị trường. Ở trong nước, bên cạnh những thuận lợi từ kết quả tăng trưởng tích cực trong năm 2018, kinh tế vĩ mô ổn định nhưng cũng phải đối mặt không ít khó khăn, thách thức với thời tiết diễn biến phức tạp ảnh hưởng đến năng suất và sản lượng cây trồng; ngành chăn nuôi gặp khó khăn với dịch tả lợn châu Phi diễn ra tại tất cả 63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; tăng trưởng chậm lại của một số mặt hàng xuất khẩu chủ lực; giải ngân vốn đầu tư công không đạt kế hoạch.

Theo số liệu của Tổng cục thống kê, GDP của Việt Nam năm 2019 đạt kết quả ấn tượng với tốc độ tăng 7,02, vượt mục tiêu của Quốc hội đề ra từ 6,6%-6,8%, khẳng định tính kịp thời và hiệu quả của các giải pháp được Chính phủ ban hành, chỉ đạo quyết liệt các cấp, các ngành, các địa phương và cộng đồng doanh nghiệp cùng nỗ lực thực hiện để đạt và vượt mục tiêu tăng trưởng. Mức tăng trưởng năm nay tuy thấp hơn mức tăng 7,08% của năm 2018 nhưng cao hơn mức tăng của các năm 2011-2017[4]. Trong mức tăng chung của toàn nền kinh tế, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 2,01%, đóng góp 4,6% vào mức tăng chung; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 8,90%, đóng góp 50,4%; khu vực dịch vụ tăng 7,3%, đóng góp 45%.

Trong bối cảnh có nhiều tác động tích cực chung của môi trường kinh doanh, phát triển doanh nghiệp trong năm 2019, kinh tế Bình Định tiếp tục đà phục hồi và đạt mức tăng trưởng 6.81% không bằng 2018. Năm 2019, Nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,52%; Công nghiệp - Xây dựng tăng 9,01%; Dịch vụ tăng 7,33% . Riêng sản lượng hàng hóa thông qua Cụm cảng biển Quy Nhơn ước tăng gần 10% so với cùng kỳ năm ngoái.

Đối với hoạt động của các doanh nghiệp cảng biển tại Cụm cảng biển Quy Nhơn nói chung và Cảng Thị Nại nói riêng vẫn chịu ảnh hưởng bởi các yếu tố chính bao gồm: sự chuyển dịch thị trường xuất nhập khẩu của các nước trong khu vực và trên thế giới; sự thay đổi cơ cấu mặt hàng, phương thức, lĩnh vực sản xuất kinh doanh và diễn biến tình hình thời tiết khá thuận lợi trong năm 2019. Cụ thể đối với Cảng Thị Nại, cơ cấu các mặt hàng thông qua cảng có sự thay đổi rõ rệt. Trong đó, hàng nông sản, xi măng và tinh bột đều giảm, nhưng mặt hàng thức ăn gia súc rời, mật rỉ và đá granite đóng kiện lại tăng. Ngoài ra, việc Cảng Thị Nại có điều chỉnh đơn giá xếp dỡ một số mặt hàng đóng bao như tinh bột, đường, xi măng và đá kiện... cao hơn các cảng khác cũng là một yếu tố tác động lớn đến sản lượng cũng như doanh thu năm 2019, tuy nhiên với sự nỗ lực, phấn đấu của HDQT, BDH và toàn thể CBCNV Công ty nên đã đạt được hiệu quả kinh doanh nhất định, cụ thể:

TT	Chỉ tiêu	Kế hoạch (VND)	Thực hiện (VND)	Hoàn thành (%)
1	Sản lượng hàng thông qua cảng (Tấn)	1.100.000	1.159.107	105,37
2	Tổng doanh thu (triệu đồng)	55.000	52.570	95,58
3	Lợi nhuận trước thuế (triệu đồng)	9.500	9.741	102,54

nước trước bến và khu nước ra luồng và vùng nước quay tàu, cải tiến công nghệ nâng cao năng lực giải phóng tàu. Đồng thời tiếp tục triển khai dự án đầu tư xây dựng, nâng cấp các cầu tàu đảm bảo tiếp nhận tàu có trọng tải lớn.

Về mặt Kinh doanh-Khai thác, sẽ tiếp tục giữ ổn định nguồn hàng hiện có, tiếp tục có chính sách thu hút các nguồn hàng mới; phát triển đa dạng các dịch vụ như: Vận tải, Kho bãi, Logistic để cung cấp dịch vụ trọn gói, khép kín các dịch vụ cho khách hàng.

Trong công tác tổ chức sản xuất, có kế hoạch sắp xếp, bố trí cầu bến đảm bảo hợp lý, tận dụng tối đa thời gian làm việc hữu ích trong ca sản xuất, góp phần giải phóng tàu nhanh, nâng cao năng suất máy ca và thu nhập cho người lao động.

Về công tác quản lý, sẽ tiến hành kiện toàn, sắp xếp, đổi mới, hoàn thiện doanh nghiệp phù hợp với điều kiện phát triển của Cảng. rà soát, xây dựng hệ thống các quy trình, quy định để chuẩn hóa trong công tác quản lý, nâng cao chất lượng quản trị công ty.

Về nguồn nhân lực, chú trọng công tác tuyển dụng và đào tạo nhằm nâng cao chất lượng đội ngũ nhân viên, tay nghề của công nhân lao động. Xây dựng môi trường làm việc lành mạnh, ổn định đời sống vật chất, tinh thần cho CBCNV, từng bước tăng thu nhập cho người lao động, đảm bảo hài hòa lợi ích của doanh nghiệp với người lao động.

6. Các rủi ro

- Hoạt động kinh doanh ngành dịch vụ cảng biển phụ thuộc vào tình hình phát triển kinh tế của địa phương và khu vực, kinh tế phát triển thì hàng hoá thông qua cảng càng nhiều, nếu ngược lại sẽ ảnh hưởng đến kết quả thực hiện các mục tiêu của Công ty đã đề ra.

- Giá cả vật tư, nhiên liệu,... biến động bất thường theo xu hướng tăng, ảnh hưởng đến giá thành dịch vụ, chỉ tiêu lợi nhuận, cổ tức của doanh nghiệp.

- Khu vực phát triển thêm nhiều cảng biển dẫn đến sự cạnh tranh ngày càng gay gắt, không lành mạnh. Công ty không có lợi thế so với các cảng khác nên độ rủi ro cao.

- Tình hình khí hậu và thời tiết có nhiều diễn biến phức tạp trong khi công ty xếp dỡ chủ yếu là hàng rời, hàng bao dẫn đến phụ thuộc rất nhiều vào thời tiết. Đây cũng là một nguyên nhân ảnh hưởng đến kết quả đạt được so với kế hoạch đề ra

II – Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

Kinh tế - xã hội nước ta năm 2019 diễn ra trong bối cảnh tình hình kinh tế thế giới tiếp tục tăng trưởng chậm lại. Cảng thẳng thương mại giữa Mỹ - Trung và vấn đề địa chính trị càng làm gia tăng đáng kể tính bất ổn của hệ thống thương mại toàn cầu, gây ảnh hưởng không nhỏ tới niềm tin kinh doanh, quyết định đầu tư và thương mại toàn cầu. Sự biến động khó lường trên thị trường tài chính - tiền tệ quốc tế, giá dầu diễn biến phức

				-Trang 5-
4	Thuế thu nhập doanh nghiệp (triệu đồng)	1.900	1.961	103,21
5	Lợi nhuận sau thuế (triệu đồng)	7.600	7.780	102,37
6	Lãi cơ bản trên cổ phiếu (triệu đồng)	1.017	1.041	102,36
7	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/VĐL (%)	10,7	10,96	102,43
8	Tỷ lệ cổ tức/năm (%)	10	10	100,00

2. Tổ chức và nhân sự

a. Ban điều hành:

- + Giám đốc: Đồng Thị Ánh
 - Số CMND: 210270691 , ngày cấp: 06/02/2009, nơi cấp: Bình Định
 - Địa chỉ: 89 Mai Xuân Thưởng, phường Lý Thường Kiệt, Quy Nhơn
 - Ngày bổ nhiệm: 15/11/2015

- + Phó Giám đốc kinh doanh: Hồ Liên Nam
 - Số CMND: 211516826 , ngày cấp: 16/07/2007, nơi cấp: Bình Định
 - Địa chỉ: 162 Diên Hồng, P. Ngô Mây, Quy Nhơn
 - Ngày bổ nhiệm: 11/11/2015
 - Miễn nhiệm: 15/09/2019

- + Phó Giám đốc kỹ thuật: Nguyễn Văn Thi
 - Số CMND: 210132576 , ngày cấp: 23/11/2001, nơi cấp: Bình Định
 - Địa chỉ: 06 Đình Bộ Lĩnh, Quy Nhơn
 - Ngày bổ nhiệm: 04/08/2015
 - Cổ phần sở hữu : 12.600 cổ phần Tỷ lệ : 0,177%

- + Phó Giám đốc sản xuất: Trương Thanh Bình
 - Số CMND: 210002136 , ngày cấp: 18/11/2014, nơi cấp: Bình Định
 - Địa chỉ: Tổ 51, KV.10, P. Hải Cảng, Quy Nhơn
 - Ngày bổ nhiệm: 20/01/2018

- + Phó Giám đốc đầu tư và phát triển dự án : Lâm Đình An
 - Số CMND: 210547514 , ngày cấp: 22/02/2013, nơi cấp: Bình Định
 - Địa chỉ: 89 Mai Xuân Thưởng, phường Lý Thường Kiệt, Quy Nhơn
 - Ngày bổ nhiệm: 01/12/2018

- + Kế toán trưởng: Đồng Thị Quỳnh Hương

- Số CMND: 211750808 , ngày cấp: 08/05/2003, nơi cấp: Bình Định
- Địa chỉ: 78 Bà Triệu, Quy Nhơn
- Ngày bổ nhiệm: 01/11/2013
- Cổ phần sở hữu : 23.040 cổ phần Tỷ lệ : 0,32%

b. Số lượng cán bộ, công nhân viên: 197 người

+ Các phòng chức năng:

- Phòng Kinh doanh: 4 người
- Phòng Kế toán: 5 người
- Phòng Tổ chức - hành chính: 8 người
- Phòng Kỹ thuật: 3 người
- Phòng Điều độ và xếp dỡ 13 người (trong đó có 6 nhân viên điều độ và 2 quản lý đội Bốc xếp)

+ Các bộ phận trực tiếp sản xuất:

- Xưởng sửa chữa: 6 người
- Tổ Công cụ: 5 người
- Tổ thu phí CSH: 3 người
- Đội Bảo vệ: 13 người
- Đội Cơ giới: 18 người
- Đội Giao nhận: 14 người
- Đội Bốc xếp: 105 người

3. Tình hình tài chính

a. Tình hình tài chính

ĐVT : đồng

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	So sánh 2018 (%)
Tổng giá trị tài sản	107.086.187.846	111.029.914.198	103,68
Doanh thu thuần	50.043.837.944	52.470.265.729	104,85
Lợi nhuận khác	-550.778.671	-234.167.270	42,52
Lợi nhuận trước thuế	8.579.380.533	9.741.403.012	113,54
Lợi nhuận sau thuế	6.873.444.615	7.780.425.908	113,20
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	915	1014	110,82

b. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn (TSLD/Nợ ngắn hạn)	0,31	0,42	
+ Hệ số thanh toán nhanh (TSLD – hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	0,3	0,42	
2. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản (%)	24,09	26,22	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu (%)	31,73	35,53	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho (Giá vốn hàng bán/hàng tồn kho bình quân)	302,2	1.089,8	
+ Hiệu quả sử dụng tài sản (Doanh thu thuần/Tổng tài sản) (%)	46,73	47,26	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Tỷ suất lợi nhuận (Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần) (%)	13,73	14,83	
+ Tỷ suất vốn chủ sở hữu (ROE) (Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu) (%)	8,46	9,50	
+ Tỷ suất sinh lời tài sản (ROA) (Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản) (%)	6,42	7,01	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động KD/Dthu thuần (%)	18,24	19,01	

4. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a. Cổ phần :

- Loại cổ phần: Phổ thông
- Tổng số cổ phần 7.100.000 cổ phần
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần

b. Cơ cấu cổ đông:

Tổng hợp theo danh sách tại ngày 31/12/2019 như sau:

Danh mục	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ (%)
1-Số lượng cổ đông		7.100.000	100
2-Cổ đông lớn (sở hữu >5% tổng cổ phần)		6.347.410	89,40

3-Cổ đông tổ chức		5.349.078	75,34
4-Cổ đông cá nhân		1.750.922	14,75
5-Cổ đông trong nước		7.100.000	100

c. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu : không

d. Giao dịch cổ phiếu quỹ: không

e. Các chứng khoán khác: không

III- Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Năm 2019 hoạt động kinh doanh vẫn còn nhiều khó khăn, tuy bên cập tàu 5.000 DWT đã được sửa chữa và đưa vào khai thác, thiết bị xếp dỡ tuy có đầu tư mới nhưng vẫn chưa đáp ứng được nhu cầu kinh doanh, bỏ lỡ nhiều cơ hội để cạnh tranh thu hút khách hàng. Đồng thời thời tiết mưa bão nhiều, sản lượng hàng trong khu vực cũng như toàn quốc giảm nên sản lượng tăng không đáng kể, hiệu quả kinh tế chưa cao, đời sống thu nhập của CBCNV còn thấp so với các cảng trong cùng khu vực.

2. Tình hình tài chính

a. Tình hình tài sản

ĐVT : đồng

*Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	P.tiện vận tải, truyền dẫn	Cộng
Nguyên giá				
Số đầu năm	69.813.550.936	41.528.713.108	1.330.641.861	112.672.905.905
Mua sắm trong năm	-	7.000.000.000	-	7.000.000.000
Chuyển sang BDS đầu tư	7.673.096.234	-	-	7.673.096.234
Bán và thuê lại	-	7.000.000.000	-	7.000.000.000
Số cuối năm	62.140.454.702	41.528.713.108	1.330.641.861	104.999.809.671
Khấu hao				
Số đầu năm	21.498.018.607	16.938.790.006	419.245.814	38.856.054.427
Khấu hao trong năm	1.991.674.177	3.089.057.298	180.442.956	5.261.174.431
Chuyển sang BDS đầu tư	2.592.653.883	-	-	2.592.653.883
Số cuối năm	20.897.038.901	20.027.847.304	599.688.770	41.524.574.975

Giá trị còn lại

Số đầu năm	48.315.532.329	24.589.923.102	911.396.047	73.816.851.478
Số cuối năm	<u>41.243.415.801</u>	<u>21.500.865.804</u>	<u>730.953.091</u>	<u>63.475.234.696</u>

***Tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất			
Nguyên giá				
Số đầu năm	14.308.354.972			
Tăng trong năm	-			
Giảm trong năm	-			
Số cuối năm	<u>14.308.354.972</u>			
Khấu hao				
Số đầu năm	-			
Khấu hao trong năm	-			
Giảm trong năm	-			
Số cuối năm	-			
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	<u>14.308.354.972</u>			
Số cuối năm	<u>14.308.354.972</u>			

***Bất động sản đầu tư**

	Nhà cửa, vật kiến trúc			
Nguyên giá				
Số đầu năm	-			
Điều chuyển từ TSCD hữu hình	7.673.096.234			
Giảm trong năm				

	-
Số cuối năm	7.673.096.234
Khấu hao	
Số đầu năm	-
Tăng trong năm	2.959.429.906
- Chuyển từ TSCĐ hữu hình sang	2.592.653.883
- Khấu hao trong năm	366.776.023
Giảm trong năm	-
Số cuối năm	2.959.429.906
Giá trị còn lại	
Số đầu năm	-
Số cuối năm	4.713.666.328

***Tài sản cố định thuê tài chính**

	Máy móc, thiết bị
Nguyên giá	
Số đầu năm	-
Thuê tài chính (*)	7.000.000.000
Giảm trong năm	-
Số cuối năm	7.000.000.000
Khấu hao	
Số đầu năm	-
Khấu hao trong năm	-
Giảm trong năm	-
Số cuối năm	-
Giá trị còn lại	

Số đầu năm

-

Số cuối năm

7.000.000.000

b. Tình hình nợ phải trả

TT	Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019
1.	Phải trả người bán	502.591.390	234.840.553
2.	Người mua trả tiền trước	308.718.510	295.813.576
3.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	2.744.158.540	3.070.851.292
4.	Phải trả người lao động	1.044.948.473	2.461.769.455
5.	Chi phí phải trả	168.397.053	193.680.979
6.	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	4.862.000	20.062.000
7.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	64.127.231	441.990.157

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý: không

4. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến của kiểm toán: không

IV- Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. Đánh giá về các mặt hoạt động của Công ty

Do năng lực của Công ty còn nhiều hạn chế nên hoạt động kinh doanh chủ yếu tập trung các tàu biển nội địa, trọng tải nhỏ, mặt hàng chính chủ yếu là hàng bao, bốc xếp thủ công, lực lượng lao động nhiều, hao phí lao động cao, giá xếp dỡ thấp tuy có chuyển đổi cơ cấu mặt hàng nhưng hiệu quả kinh tế không cao và bị hạn chế về diện tích cầu cảng khai thác. Mặc dù còn nhiều hạn chế và khó khăn nhưng kết quả sản xuất của Công ty đạt được là một sự cố gắng lớn.

2. Đánh giá về hoạt động của Ban Giám đốc

Mặc dù cơ sở vật chất kỹ thuật còn hạn chế và không có nhiều lợi thế cạnh tranh so với các cảng khác trong khu vực; đồng thời thời tiết năm nay không được thuận lợi; lượng hàng hóa giao thương giảm và diện tích cầu cảng có phần hạn chế nhưng Ban giám đốc năng động, quản lý điều hành tốt, thực hiện nghiêm túc và hiệu quả các nghị quyết Hội đồng quản trị tuy và đã tăng trưởng so với kế hoạch đề ra.

3. Các kế hoạch, định hướng của HĐQT

Hạng mục/ tài sản	Giá trị
Xây dựng khu kho bãi tại xã Phước Lộc, huyện Tuy Phước giai đoạn 1	90.000.000.000

Dự án nạo vét vùng nước trước bến và khu nước ra luồng, vùng nước quay tàu.	3.000.000.000
Văn phòng làm việc mới 5 tầng 162,5m ²	3.000.000.000
Vá ô gà bãi sau cầu cảng 5.000 DWT. Sửa chữa gờ chắn xe cầu 30.000 DWT và cầu 5.000 DWT. Rãi thảm bê tông nhựa khu vực bị bong tróc do bão số 5 gây ra ở mặt cầu cảng 5.000 DWT.	250.000.000
Hệ thống thiết bị tịnh hàng rời	1.500.000.000
Phễu rót hàng rời	360.000.000
Xây mới nhà làm việc cho Xưởng, Kho Công cụ (nối liền với kho A2 hiện hữu)	200.000.000
Xe xúc 1,1- 1,2m ³	460.000.000
Gầu ngoạm thủy lực có remote có dung tích 6m ³	560.000.000
Tổng cộng	99.330.000.000

Nguồn vốn Công ty và vốn vay các ngân hàng thương mại.

V- Quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị

Bao gồm 3 thành viên, trong đó có 1 thành viên không trực tiếp điều hành công ty. Cụ thể:

TT	Họ tên thành viên	Chức vụ	Tỷ lệ CP sở hữu(%)	Ghi chú
1	Đông Thị Ánh	Chủ tịch	75,34	Đại diện cổ phần Công ty TNHH TM Ánh Vy
2	Lâm Ánh Vy	Phó chủ tịch	5,62	Cổ phần cá nhân- Không trực tiếp điều hành
3	Đông Thị Quỳnh Hương	Thành viên	0,32	Cổ phần cá nhân

Các hoạt động của Hội đồng quản trị:

+ Hoạt động của Hội đồng quản trị:

- HĐQT làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ, vừa bảo đảm phát huy vai trò lãnh đạo của tập thể HĐQT, vừa đề cao trách nhiệm cá nhân của chủ tịch và thành viên.

- Giải quyết công việc theo quy định của Điều lệ Công ty và quy định của pháp luật, bảo đảm sự giám sát của Đại hội đồng cổ đông, Ban kiểm soát trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo luật định.

- Bảo đảm tuân thủ trình tự, thủ tục, thời hạn giải quyết công việc theo đúng quy định điều lệ, quy định của pháp luật và quy chế làm việc.

- Bảo đảm dân chủ, rõ ràng, minh bạch, hiệu quả trong mọi hoạt động.

2. Ban Kiểm soát

TT	Họ tên thành viên	Chức vụ	Tỷ lệ CP sở hữu(%)	Ghi chú
1	Nguyễn Ngọc Minh	Trưởng ban	0	
2	Võ Thị Thu Hiền	Thành viên	0,07	
3	Nguyễn Thị Thùy Yên	Thành viên	0	

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát

a. Thù lao

DVT: triệu đồng

TT	Thành phần	Chức vụ	Năm 2019			
			Lương	Thù lao	Khác	Cộng
	Hội đồng quản trị					
1	Đông Thị Ánh	Chủ tịch		96		96
2	Lâm Ánh Vy	Phó Chủ tịch		84		84
4	Đông Thị Quỳnh Hương	Thành viên		60		60
	Ban Giám đốc					
1	Đông Thị Ánh	Giám đốc	322			322
2	Hồ Liên Nam	Phó giám đốc kinh doanh	189			189
3	Nguyễn Văn Thi	Phó Giám đốc kỹ thuật	232			232
4	Trương Thanh Bình	Phó Giám đốc sản xuất	232			232
5	Lâm Đình An	Phó Giám đốc ĐT&PT	274			274
	Ban Kiểm soát					
1	Nguyễn Ngọc Minh	Trưởng ban		24		24
2	Võ Thị Thu Hiền	Thành viên		18		18

3	Nguyễn Thị Thùy Yên	Thành viên	18	-Trang 14-	18
---	---------------------	------------	----	------------	----

+ Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát: (đưa vào bảng trên)

* Hội đồng quản trị:

- Chủ tịch: 8.000.000 đồng/tháng
- Phó Chủ tịch: 7.000.000 đồng/tháng
- Thành viên: 5.000.000 đồng/tháng

* Ban kiểm soát:

- Trưởng ban: 2.000.000 đồng/tháng
- Thành viên: 1.500.000 đồng/tháng

+ Quyền lợi của Ban Giám đốc:

* Tiền lương:

Từ tháng 01/2019 đến tháng 06/2019

- Giám đốc: 25.000.000 đồng/tháng
- Phó Giám đốc kinh doanh: 21.250.000 đồng/tháng
- Phó Giám đốc đầu tư và phát triển dự án: 21.250.000 đồng/tháng
- Phó Giám đốc kỹ thuật: 18.000.000 đồng/tháng
- Phó Giám đốc Sản xuất: 18.000.000 đồng/tháng

Từ tháng 07/2019 đến tháng 12/2019

- Giám đốc: 28.750.000 đồng/tháng
- Phó Giám đốc kinh doanh: 24.437.500 đồng/tháng
- Phó Giám đốc đầu tư và phát triển dự án: 24.437.500 đồng/tháng
- Phó Giám đốc kỹ thuật: 20.700.000 đồng/tháng
- Phó Giám đốc Sản xuất: 20.700.000 đồng/tháng

* Tiền ăn ca:

Giám đốc, Phó Giám đốc: 8.160.000 đồng/người/năm

b. Giao dịch cổ phần cổ đông nội bộ: không

c. Hợp đồng giao dịch với cổ đông nội bộ: không

VI- Báo cáo tài chính

1. Ý kiến kiểm toán : (Trích từ Báo cáo kiểm toán độc lập)

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2019 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Báo cáo tài chính đã được kiểm toán:

Báo cáo tài chính năm 2019 đã được Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC.

(Chi tiết cụ thể như Báo cáo tài chính năm 2019 đăng tải tại Website: thinaiport.com.vn hoặc cổng thông tin UBCK NN)

Nơi nhận:

- UBCK Nhà nước;
- Sàn giao dịch CK Hà Nội;
- Website Công ty;
- Lưu NC, KT, Tký.



Đông Thị Anh

